

B GIAO THÔNG V NT I
B GIAO THÔNG V NT I

C NG H A XÍ H I CH NGH A VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph $\frac{3}{4}$ c

B NG ñ I M CHI TI T MĐN H C - MĐN THI

Năm h c : 2012-2013

L p h c : 122064200801

H c km : HK02

M»n h c : V k thu t

STT	MÃ SV	H Vĩ Tĩ N		H S 1						H S 2						ñ I M THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	3641010481	ñ Th	An							7.0	6.0	5.0	5.0			7.0			5.8	6.4			
2	3641012025	Nguy n B	An							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
3	3641010098	Nguy n Ho	n							6.0	7.0	7.0	4.0			4.0			6.0	5.0			
4	3641010072	H V N	B o							7.0	4.0	3.0	1.0			5.0	1.0		3.8	4.4	2.4		
5	3641010116	Nguy n Huu nh Th	B o							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
6	3641010482	Võ Xuân	Biên							7.0	7.0	6.0	5.0			5.0			6.3	5.6			
7	3641010023	Tr n Nh	Bình							7.0	5.0	3.0	5.0			4.0	1.0		5.0	4.5	3.0		
8	3641010121	ñ	Công							7.0	5.0	3.0	5.0			4.0	4.0		5.0	4.5	4.5		
9	3641010026	Tr n Minh	D ng							7.0	7.0	6.0	9.0			6.0			7.3	6.6			
10	3641010141	H S	ñ ang							7.0	5.0	4.0	3.0			5.0	3.0		4.8	4.9	3.9		
11	3641010135	Nguy n Th	ñ t							7.0	5.0	4.0	5.0			3.0	1.0		5.3	4.1	3.1		
12	3641010128	Ph m Ti n	ñ t							7.0	7.0	7.0	5.0			7.0			6.5	6.8			
13	3641010049	Lê Hoàng	ñ i p							4.0	5.0	4.0	5.0			5.0	2.0		4.5	4.8	3.3		
14	3641010148	B i V N	ñ o							7.0	5.0	5.0	4.0			5.0			5.3	5.1			
15	3641010021	H Tr ng	Hào							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT

STT	MÃ SV	H ã Vĩ TĩN		H S 1						H S 2						ĩI M THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
16	3641010101	Vĩ Phĩc	H u							6.0	5.0	5.0	7.0			6.0			5.8	5.9			
17	3641010081	T C»ng	Kha							7.0	4.0	5.0	4.0			2.0	0.0		5.0	3.5	2.5		
18	3641010070	Nguy n Duy	Khang							7.0	4.0	4.0	4.0			3.0	0.0		4.8	3.9	2.4		
19	3641010032	Mai Tũng	Lĩm							1.0	5.0	0.0	0.0			0.0	0.0		1.5	0.8	0.8		CT
20	3641010113	L² D ng	Lĩnh							8.0	8.0	8.0	8.0			6.0			8.0	7.0			
21	3641010123	Nguy n Vĩĩ	M nh							1.0	5.0	5.0	0.0			0.0	0.0		2.8	1.4	1.4		CT
22	3641010146	Qu"ch H u	Nam							7.0	4.0	7.0	3.0			2.0	1.0		5.3	3.6	3.1		
23	3641010109	ĩ M nh	Nguyẽn							6.0	4.0	4.0	5.0			3.0	2.0		4.8	3.9	3.4		
24	3641010097	Nguy n Quang	Phĩc							8.0	5.0	5.0	4.0			4.0	3.0		5.5	4.8	4.3		
25	3641010082	H Ng c	Quĩ							7.0	6.0	5.0	6.0			7.0			6.0	6.5			
26	3641010057	Phan Thanh	S n							7.0	7.0	7.0	9.0			8.0			7.5	7.8			
27	3641010053	Nguy n Nh t	Tĩn							6.0	5.0	7.0	7.0			3.0	1.0		6.3	4.6	3.6		
28	3641010105	V½T n	Tĩy							6.0	4.0	4.0	6.0			4.0	0.0		5.0	4.5	2.5		
29	3641010046	Nguy n Th@h	Ti n							7.0	6.0	4.0	5.0			4.0	4.0		5.5	4.8	4.8		
30	3641010354	Tr n Vĩĩ	Tĩnh							7.0	3.0	6.0	5.0			4.0	2.0		5.3	4.6	3.6		
31	3641010095	ĩ @n Trung	Tĩch							6.0	5.0	5.0	3.0			4.0	3.0		4.8	4.4	3.9		
32	3641010016	Nguy n Vĩĩ	T nh							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
33	3641010092	H H u	Toĩn							8.0	9.0	9.0	7.0			9.0			8.3	8.6			
34	3641010090	L² Ng c	Toĩn							7.0	5.0	4.0	8.0			3.0	2.0		6.0	4.5	4.0		
35	3641010124	Tr n Anh	To i							8.0	8.0	8.0	1.0			10.0			6.3	8.1			
36	3641010132	L² Nguy n Ho@ng	Tu n							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
37	3641010040	Phan Thanh	Tu n							7.0	6.0	4.0	4.0			4.0	0.0		5.3	4.6	2.6		

STT	MÃ SV	H ị V ị T ố N		H ị S 1						H ị S 2						H ị M THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
38	3641010011	Võ Duy	Tu ầ n							7.0	1.0	3.0	7.0			3.0	1.0		4.5	3.8	2.8		
39	3641010083	Tr ầ ng V ấ n	Tuyên							7.0	6.0	7.0	3.0			4.0	2.0		5.8	4.9	3.9		
40	3641010115	Nguy ầ n Thanh	Tùng							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
41	3641010074	Tr ầ n V ấ n	Tú							7.0	6.0	2.0	6.0			5.0			5.3	5.1			
42	3641010025	L ấ T ầ n	Th							7.0	3.0	1.0	4.0			4.0	2.0		3.8	3.9	2.9		
43	3642010143	Nguy ầ n V ấ n	Th ầ ch							8.0	6.0	8.0	9.0			7.0			7.8	7.4			
44	3641010093	H ầ Mai	Thân							0.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
45	3641010030	Phan ấ n ầ c	Thi							8.0	5.0	7.0	9.0			4.0			7.3	5.6			
46	3641010042	Nguy ầ n Qu ầ c	Th ầ nh							7.0	4.0	4.0	0.0			0.0	0.0		3.8	1.9	1.9		CT
47	3641010058	Lê Quang	Th ầ ng							7.0	0.0	0.0	0.0			0.0	0.0		1.8	0.9	0.9		CT
48	3641010111	L ấ Qu ầ c	Tr ầ n							1.0	7.0	0.0	0.0			0.0	0.0		2.0	1.0	1.0		CT
49	3641010136	Tr ầ n Minh	Trí							6.0	1.0	5.0	5.0			4.0	0.0		4.3	4.1	2.1		
50	3601010016	Ho ầ ng ấ n ầ c	Tr ầ n							7.0	5.0	4.0	4.0			6.0			5.0	5.5			
51	3641010108	L ấ Qu ầ c	V ấ n							7.0	7.0	6.0	6.0			5.0			6.5	5.8			
52	3641010112	Nguy ầ n Ch ầ	Viên							7.0	7.0	5.0	5.0			6.0			6.0	6.0			

#Error

X ầ p lo ầ i S ầ l ầ ng T ầ l

Tr ầ ng Khoa

Gi ầ o v ầ n b ầ m ầ n

Tp H ầ Ch ầ Minh, ng ầ y 17 th ầ ng 9 ầ n ầ m 2013

Gi ầ o v ầ Khoa